TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LV** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DS-ST
Ngày: 28-4-2020
"V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự, vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LV, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Nguyễn Vạn Thế.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Hoàng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện LV.

Vào ngày 28/4/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 388/2019/TLST-DS, ngày 16/8/2019; "V/v tranh chấp hợp đồng dân sự, hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 21/2020/QĐXXST-DS, ngày 18/02/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-DS, ngày 05/3/2020; Thông báo dời ngày mở phiên tòa số 10/TB-HĐXX ngày 26/3/2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Ph, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Số 1436, ấp An Lợi A, xã ĐY, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp cho chị Võ Thị Ph có chị Huỳnh Thị C.T, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Số 67B, khóm Bình Thạnh 2, thị trấn Lấp Vò, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/02/2019) (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Tr, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Số 798, ấp Vĩnh Bình A, xã Vĩnh Th, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2019, Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa chị Huỳnh Thị CT là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 22/11/2017 âm lịch chị Phượng có cho anh Trung vay 1,2 cây vàng 9999 tương đương số tiền là 44.400.000 đồng, sau khi nhận đủ tiền thì anh Trung có thế chấp cho chị Phượng chiếc xe hiệu Suzuki biển số 59B1-222.11 do anh Võ Thành Bé đứng tên và thỏa thuận lãi suất là 0,4%/tháng, sau 03 tháng anh Trung sẽ trả lại vàng cho chị Phượng, nhưng hết thời gian trên anh Trung không đóng lãi cũng không trả vàng lại cho chị Phượng như thỏa thuận.

Nay chị Võ Thị Ph yêu cầu anh Nguyễn Thanh Tr trả 1,2 cây vàng 9999 tương đương số tiền là 44.400.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng), chị Phượng đồng ý trả lại anh Trung chiếc xe hiệu Suzuki biển số 59B1-222.11, chị Phượng không yêu cầu trả lãi.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm:

Biên nhận nhận vàng của Nguyễn Thanh Tr; xác nhận của Công an xã Vĩnh Th; giấy chứng nhận đăng ký xe; bản trình bày ý kiến của Nguyễn Thanh Tr; hình chiếc xe; phiếu trả lời xác minh của công an giao thông tỉnh.

Tại văn bản ý kiến của anh Trung do phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa anh Trung trình bày: Vào năm 2017 anh có đến gặp chị Phượng và thỏa thuận cầm chiếc xe SUZUKI biển số 59B1-222.11 cho chị Phượng với số vàng là 1,2 cây vàng, tương đương 41.000.000 đồng, lãi suất 0,7%/ tháng, thời hạn 02 tháng, nếu anh Trung không chuộc lại và không đóng lãi, chị Phượng có quyền thanh lý chiếc xe. Tại phiên tòa, anh Trung cũng xác định là chiếc xe SUZUKI biển số 59B1-222.11 anh không có đứng tên xe. Nguồn gốc xe là do anh mua lại của một người khác. Nay anh Trung không có tiền chuộc lại xe, yêu cầu chị Phượng thanh lý xe và không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của chị Phượng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện của chị Phượng thì Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự, hợp đồng vay tài sản". Địa chỉ của bị đơn tại huyện LV, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LV theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] Về nội dung: Theo lời trình bày của chị Phượng cho rằng vào năm 2017 có cho anh Trung vay 1,2 lượng vàng 9999 tương đương trên 40.000.000 đồng, khi vay anh Trung có làm biên nhận nhận vàng và anh Trung cũng thừa nhận tại phiên tòa là có nhận của chị Phượng 1,2 cây vàng, tương đương 41.000.000 đồng và anh Trung có giao cho chị Phượng chiếc xe SUZUKI biển số 59B1-222.11 do Võ Thành Bé đứng tên.

Chị Phượng cho rằng cho anh Trung vay tiền, khi nhận tiền anh Trung có thế chấp tài sản là chiếc xe. Còn anh Trung cho rằng anh cầm cho chị Phượng

chiếc xe SUZUKI biển số 59B1-222.11 do Võ Thành Bé đứng tên để lấy 1,2 cây vàng, tương đương 41.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng nếu anh không chuộc, chị Phượng được quyền thanh lý.

Theo quy định về hợp đồng cầm cố tài sản tại Điều 309 Bộ luật dân sự thì tài sản cầm cố phải thuộc quyền sở hữu của người cầm cố. Đối với chiếc xe SUZUKI biển số 59B1-222.11 do Võ Thành Bé đứng tên. Theo thông tin tra cứu xe của Công an do nguyên đơn cung cấp thì biển số 59B1-222.11 là do Nguyễn Văn Non đứng tên chứ không phải Võ Thành Bé đứng tên. Như vậy việc anh Trung lại đem cầm chiếc xe SUZUKI biển số 59B1-222.11 do người khác đứng tên cho chị Phượng là không phù hợp theo quy định của pháp luật.

Tại thời điểm xét xử sơ thẩm giá vàng 24kra vàng thị trường có giá 4.500.000 đồng/chỉ. Việc chị Phượng yêu cầu anh Nguyễn Thanh Tr trả 1,2 lượng vàng qui ra số tiền 44.400.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng) là thấp hơn giá tại thời điểm xét xử, có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, nên chấp nhận yêu cầu của chị Phượng. Buộc anh Nguyễn Thanh Tr trả cho chị Phượng 44.400.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng).

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Phượng không yêu cầu tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với chiếc xe hiệu Suzuki biển số 59B1-222.11 và giấy đăng ký xe tên Võ Thành Bé chị Phượng đã nhận của anh Trung, chị Phượng tự nguyện trả lại cho anh Trung là phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận tự nguyện của chị Phượng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị Phượng được chấp nhận yêu cầu, nên chị Phượng được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Anh Trung phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 309, 463, 466 và 357 Bộ Luật dân sự; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Ph.

Buộc anh Nguyễn Thanh Tr trả cho chị Võ Thị Ph 44.400.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chấp nhận tự nguyện của chị Võ Thị Ph trả cho anh Nguyễn Thanh Tr chiếc xe hiệu Suzuki biển số 59B1-222.11 và bản chính giấy đăng ký xe mang tên Võ Thành Bé.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh Tr chịu 2.220.000 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Chị Võ Thị Ph được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.110.000 đồng (Một triệu một trăm mười nghìn đồng) theo biên lai thu số BH/2018/0006138, ngày15/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LV.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự;

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hằng